

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ N
TỈNH QUẢNG N**

Bản án số: 09/2019/HSST

Ngày 22 - 3 - 2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ N, TỈNH QUẢNG N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Minh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Kim Anh.

Ông Lê Văn Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Khôi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú N, tỉnh Quảng N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú N, tỉnh Quảng N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú N, tỉnh Quảng N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2019/TLST - HS ngày 23 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST – HS ngày 06 tháng 3 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Hữu A, tên gọi khác: Bi Em, sinh ngày 21 tháng 6 năm 1988. Nơi cư trú: Thôn Trung Sơn, xã Tam L, huyện Phú N, tỉnh Quảng N; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Ph và bà Hà Thị D; tiền án: không; tiền sự: không. Bị bắt tạm giữ ngày 27/9/2018, chuyển sang tạm giam ngày 06/10/2018, thay thế biện pháp bảo lãnh ngày 14/12/2018. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

2/ Nguyễn Văn Kh, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1990. Nơi cư trú: Thôn 2, xã Trà Giáp, huyện Bắc Trà M, tỉnh Quảng N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: kor; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Hồ Thị H; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giữ ngày 27/9/2018, thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 06/10/2018. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

3/ Nguyễn Văn H, sinh ngày 06 tháng 9 năm 1981. Nơi cư trú: Thôn 2, xã Trà Giáp, huyện Bắc Trà M, tỉnh Quảng N; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: kor; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H; vợ Lê Thị H, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giữ ngày 27/9/2018, thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 06/10/2018. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

4/ Nguyễn Văn B, tên gọi khác: Nguyễn Văn M, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Thôn 1, xã Trà Giáp, huyện Bắc Trà M, tỉnh Quảng N; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: kor; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (Chát) và bà Hồ Thị H; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giữ ngày 27/9/2018, thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 06/10/2018. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- Người chứng kiến: Anh Nguyễn H, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Thôn Bồng Miêu, xã Tam L, huyện Phú N, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lúc 07 giờ 45 phút ngày 27/9/2018 tại tuyến đường đi từ Hồ Ráy – Lò Co thuộc thôn Bồng Miêu, xã Tam L, huyện Phú N, tỉnh Quảng N, tổ tuần tra kiểm soát Đồn công An Tam L phát hiện có 03 đối tượng điều khiển xe mô tô, trên xe có chở 01 ba lô màu xanh có dấu hiệu khả nghi nên tiến hành cho dừng xe kiểm tra hành chính thì phát hiện trong ba lô màu xanh có đựng 03 bao ni lông màu trắng được cột miệng bằng dây thun màu vàng bên trong chứa chất dạng bột, màu vàng nhạt, tổng trọng lượng 1,1kg. Các đối tượng Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Kh và Nguyễn Văn H đều khai vận chuyển 03 bao ni lông chứa thuốc nổ là của Nguyễn Hữu A từ nhà của A lên bãi khai thác vàng trái phép ở núi kềm thuộc thôn Bồng Miêu, xã Tam L, huyện Phú N, tỉnh Quảng N để sử dụng. Tổ công tác lập biên bản bắt quả tang Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Kh và Nguyễn Văn H về hành vi vận chuyển trái phép vật liệu nổ, tạm giữ và niêm phong các vật chứng liên quan. Quá trình điều tra B, Kh và H đều khai từ ngày 13/9/2018 đến ngày 16/9/2018 nhìn thấy A dùng xe máy vận chuyển mỗi ngày 03 bao ni lông giống như 03 bao ni lông chứa thuốc nổ bị bắt quả tang từ nhà A lên bãi vàng núi kềm, từ ngày 17/9/2018 đến ngày 26/9/2018 mỗi buổi sáng A đưa cho B, Kh và H 03 gói ni lông tương tự như trên vận chuyển từ nhà A lên bãi vàng núi kềm và đưa lại cho A. Quá trình điều tra, Nguyễn Hữu A khai nhận 1,1 kg thuốc nổ bị tổ công tác Đồn công An Tam L, huyện Phú N bắt quả tang ngày 27/9/2018 là của mình, nguồn gốc số thuốc nổ này là do nhặt được trong đường hầm Lò 10 núi kềm thuộc thôn Bồng Miêu, xã Tam L, huyện Phú N đem về cất giấu ở một gốc cây tại khu vườn keo cách nhà mình khoảng 15 mét. Sáng ngày 27/9/2018 A đưa số thuốc nổ trên cho B, Kh và H vận chuyển lên bãi vàng trái phép tại xã Tam L để sử dụng còn từ trước tới ngày bị bắt quả tang tại bãi vàng không có sử dụng vật liệu nổ. Cơ quan An ninh điều tra công An tỉnh Quảng N đã tiến hành tổ chức khám nghiệm hiện trường sử dụng vật liệu nổ tại khu vực Lò 10 núi kềm thuộc thôn Bồng Miêu, xã Tam L, huyện Phú N nhưng do điều kiện khách quan bị ngạt khí nên không xác định được vị trí sử dụng vật liệu nổ. Tiến hành cho A đối chất với B, Kh và H nhưng A vẫn không thừa nhận vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ trong thời gian từ ngày 13/9/2018 đến ngày 26/9/2018.

Tại kết luận giám định số: 230/KLGD ngày 02/10/2018 của Hội đồng giám định B chỉ huy quân sự tỉnh Quảng N kết luận: 03 mẫu giám định là vật liệu nổ; hiện còn sử dụng được.

Tại bản Cáo trạng số: 09/CT-VKSQN-P1 ngày 16/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng N truy tố bị cáo Nguyễn Hữu A về tội: “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ” theo khoản 1 Điều 305 B luật hình sự. Truy tố các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Kh và Nguyễn Văn H về tội: “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ” theo khoản 1 Điều 305 B luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú N, tỉnh Quảng N giữ nguyên quan điểm truy tố và tại phần luận tội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 305; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 B luật hình sự, tuyên bố bị cáo A về tội: “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ”, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu A từ 12 (mười hai) tháng đến 16 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 305; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 B luật hình sự. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Kh và Nguyễn Văn H “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ”, xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Kh và Nguyễn Văn H mỗi bị cáo từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách mỗi bị cáo gấp đôi về tội và đề nghị xử lý vật chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra công An tỉnh Quảng N, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng N, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục đảm bảo đúng quy định của B luật tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Khoảng giữa tháng 9/2018 trong thời gian làm vàng trái phép, bị cáo Nguyễn Hữu A nhặt được 1,1 kg thuốc nổ trong đường hầm Lò 10 núi kềm thuộc thôn Bồng Miêu, xã Tam L, huyện Phú N, tỉnh Quảng N mang về cất giấu ở gốc cây tại khu vực vườn keo cách hành lang hiên nhà bị cáo khoảng 15 mét. Sáng ngày 27/9/2018 Nguyễn Hữu A đưa toàn B số thuốc nổ trên cho Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Kh và Nguyễn Văn H dùng xe mô tô vận chuyển lên bãi vàng trái phép thì bị tổ công tác Đồn công An Tam L bắt quả tang.

Đối chiếu lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa; lời khai của người chứng kiến trong quá trình điều tra với những tài liệu khách quan khác có tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa là phù hợp. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu A đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ” theo khoản 1 Điều 305 B luật hình sự. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Kh và Nguyễn Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ” theo khoản 1 Điều 305 B luật hình sự.

[3] Cáo trạng số: 09/ CT-VKS QN-P1 ngày 16/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam truy tố bị cáo Nguyễn Hữu A về tội: “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ” theo khoản 1 Điều 305 B luật hình sự. Truy tố các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Kh và Nguyễn Văn H về tội: “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ” theo khoản 1 Điều 305 B luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất vụ án và nhân thân của các bị cáo thì thấy: Vật liệu nổ là những vật liệu có khả năng hủy hoại môi trường sống, có khả năng gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe của con người và các sinh vật, phá hủy tài sản.... Vì vậy, Nhà nước độc quyền quản lý chặt chẽ, việc chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán vật liệu nổ phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép. Người nào có hành vi chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép là vi phạm pháp luật, sẽ bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Các bị cáo là những người đã trưởng thành có đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi nhận thức được rằng việc tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp vì mục đích tư lợi cá nhân. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, không những gây mất A ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội mà còn gây dư luận xấu trong nhân dân. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo một mức án phù hợp tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra mới có đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, vật phạm pháp đã được thu hồi. Đối với bị cáo A có thời gian phục vụ trong quân đội, phạm tội lần đầu, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai sau khi biết các bị cáo Kh, B, H bị bắt bị cáo liền đến cơ quan công An đầu thú, trên đường đi gặp hai anh công An gọi, bị cáo đến cơ quan công An khai báo về hành vi phạm tội, trong thời gian tại ngoại chấp hành tốt pháp luật. Chứng tỏ bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Kh và Nguyễn Văn H là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật còn hạn chế, hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo H, B không biết chữ, lạc hậu. Các bị cáo đều có hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 B luật hình sự, áp dụng thêm Điều 54 đối với bị cáo Kh, B, H xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt thể hiện tính nhân đạo của pháp luật hình sự, các bị cáo đều có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, bị cáo A đã bị tạm giam 2 tháng 17 ngày, cũng đủ nghiêm nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội mà giao các bị cáo về chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú để quản lý, giám sát, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân sống có ích cho xã hội. Xét các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về vật chứng tạm giữ gồm: Xét 01 xe mô tô, không màu sơn, nhãn hiệu, không có biển kiểm soát là thuộc sở hữu của Nguyễn Hữu A sử dụng vào việc phạm pháp, còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung công quỹ nhà nước. 01 ba lô có quai đeo, màu xanh đen, có khóa kéo, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. 01 điện

thoại di động màu đen, viền trắng, hiệu Mobell, bên trong gắn thẻ sim số 01628556448; 01 điện thoại di động màu đen, hiệu Nokia, bên trong gắn 02 thẻ sim số 0961297732 và 0327354108; 01 điện thoại di động màu đen, hiệu Masstel, bên trong gắn thẻ sim số 01637375233; 01 điện thoại di động màu đen, hiệu Sam sung, bên trong gắn thẻ sim số 01685007435; 01 điện thoại di động màu đen, hiệu Nokia, bên trong gắn thẻ sim số 01679698699; 01 điện thoại di động màu đen, hiệu Mobell, bên trong gắn thẻ sim số 0335386736. 06 chiếc điện thoại di động không liên quan đến vụ án nên trả lại cho các bị cáo để sử dụng.

[8] Về án phí: Các bị cáo A, B, Kh và H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 305; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 B luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu A phạm tội: “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ”,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu A 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 22/3/2019.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 305; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự. Áp dụng thêm điểm m, khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo H, B.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Kh và Nguyễn Văn H về tội: “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 6 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 22/3/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Kh 6 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 22/3/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 6 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 22/3/2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu A về cho Ủy ban nhân dân xã Tam L, huyện Phú N, tỉnh Quảng N để quản lý, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Giao các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Kh và Nguyễn Văn H về cho Ủy ban nhân dân xã Trà giáp, huyện Bắc Trà M, tỉnh Quảng N để quản lý, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 B luật hình sự, Điều 106 B luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) ba lô có quai đeo màu xanh đen, có khóa kéo. Tịch thu 01 (Một) xe mô tô, không màu sơn, nhãn hiệu, không có biển kiểm soát của Nguyễn Hữu A sung công quỹ nhà nước. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu A

01 (Một) điện thoại động màu đen, hiệu sam sung, bên trong gắn thẻ sim số 01685007435 và 01 (Một) điện thoại di động màu đen, hiệu Nokia, bên trong gắn thẻ sim số 01679698699. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn B 01 (Một) điện thoại di động màu đen, viền trắng, hiệu Mobell, bên trong gắn thẻ sim số 01628556448. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Kh 01 (Một) điện thoại di động màu đen, hiệu Mobell, bên trong gắn thẻ sim số 0335386736 và 01 (Một) điện thoại di động màu đen, hiệu Nokia, bên trong gắn 02 thẻ sim số 0961297732, 0327354108. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 (Một) điện thoại di động màu đen, hiệu Masstel, bên trong gắn thẻ sim số 01637375233. (Toàn bộ số vật chứng trên hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú N, tỉnh Quảng N đang quản lý).

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Nguyễn Hữu A, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Kh và Nguyễn Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/3/2019).

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Q.Nam;
- VKSND h. Phú N;
- Cơ quA CSĐT h. Phú N;
- Chi cục THADS. Phú N;
- Những ng- ời tham gia tố tụng;
- L- u hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trình Minh Hùng

